

UNIT 8: MY FRIENDS AND I**Lesson 1:****1. Từ vựng**

.....: đói bụng	: cảm thấy ngạc nhiên
.....: khát nước	: cảm thấy mệt mỏi
.....: cảm thấy lo sợ	: phấn khích

2. Cấu trúc câu:

<i>I: tired</i>	Mình cảm thấy mệt mỏi.
<i>Alfie: thirsty. He: hungry.</i>	Alfie không khát nước. Anh ấy đói bụng
<i>Lucy and Ben: scared. They: excited.</i>	Lucy và Ben không cảm thấy lo sợ. Họ cảm thấy phấn khích

3. Phát âm: Silent /t/:

I: tired.
We: scared.

Lesson 2:**1. Từ vựng:**

.....: hôm qua	: tuần trước
.....: tối hôm qua	: cuối tuần trước
.....: thứ ba tuần trước	: tháng trước

2. Cấu trúc câu:

.....: *you at the park yesterday?* Hôm qua bạn ở công viên đúng không?
Yes, I: Đúng rồi.
.....: *Ben at the swimming pool last week?* Ben ở hồ bơi tuần trước đúng không?
No, he: Không, anh ấy không.

Lesson 3:

1. Từ vựng:

.....: rạp chiếu phim

.....: trung tâm mua sắm

.....: sân chơi

.....: siêu thị

.....: bảo tàng

.....: công viên giải trí

2. Cấu trúc câu:

Where: you last night? Tối hôm qua bạn ở đâu?

I: at the movie theater. Mình ở rạp chiếu phim.

Where: Nick last Saturday? Thứ 7 tuần trước Nick ở đâu?

He at the mall. Anh ấy ở trung tâm mua sắm.

Where: Alfie and Mai yesterday? Hôm qua Alfie và Mai ở đâu?

They: at the park. Họ ở công viên

Lesson 4:

1. Từ vựng:

.....: vui

.....: mệt mỏi

.....: phấn khích

.....: chán nản

.....: thư giãn

2. Cấu trúc câu:

How: your weekend? Cuối tuần của bạn như thế nào?

Itrelaxing. I was at the beach with my mom and brother.

Nó thư giãn lắm. Mình đã ở bãi biển với mẹ và anh của mình .

B. Listening

Ex 1: Listen and number the pictures. There is one example.



Ex 2: Listen and choose the correct picture. There is one example.

Example:

How was John's weekend?



A. ☒



B. ☐



C. ☐

Questions:

5. Where is the stadium?



A. ☐



B. ☐



C. ☐

6. How did John get to the stadium from his house? – Go straight. Then, _ at the traffic lights.
It's on the right.



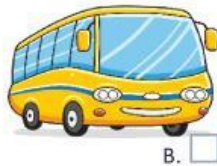
A. ☐



B. ☐



C. ☐



7. How did John go there?

A. ☐

B. ☐

C. ☐

Ex 3: Listen and write. There is one example.

- Vy is from Vietnam.

- Her mom has long, (8) _____ hair and brown eyes.

- Her dad has (9) _____, black hair and black eyes.

- Her sister is (10) _____. She has big eyes and a small mouth.

D. Writing

Ex 1: Look and write. There is one example

	0. What does your mother look like? She has <i>long curly hair</i>.
	1. How does Ricky help at home? He _____
	2. How does Jane go to the library? She goes to the library _____.



3. Where were you last night?

We were _____

Ex 2: Look, read and write. There is one example.



My name is Jack. This is a picture of my (0) f *amily* . This is my father. He is tall and handsome. He has straight, brown hair. This is my mother. She is (1) t_____ and pretty. She has long, straight hair. This is my grandfather. He has a big nose and a big mouth. This is my grandmother. She has (2) c_____, gray hair. This is my sister. She has small (3) e_____ and a small nose. She is nice and cute. This is me. I have (4) s_____, black hair. I love my family so much!

Ex 3: Reorder the words to make a correct sentence. There is one example.

Example:

0. Keywords: *is/that?/What*

→ *What is that?*

Questions:

1. Keywords: *at/theater/Mia/the/was/movie/yesterday.*

→ _____

2. Keywords: *My/a/has/and/big/nose/brother/big/mouth/a*

→ _____

3. Keywords: *on/pool/left/the/The/swimming/is*

→ _____

UNIT 8 G4

4. Keywords: museum/uncle/My/works/a/at

→ _____

5. Keywords: Sunday?/Were/last/you/the/supermarket/at

→ _____

6. Keywords: does/Where/uncle/your/work?

→ _____

7. Keywords: John/hungry./and/were/his friends

→ _____.